

Bản án số: **198/2024/HNGĐ-ST**
Ngày 17 - 5 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Hiên.

Ông Huỳnh Văn Năm.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2024/TLST-HNGĐ ngày 23/02/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/5/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Mai Chúc L, sinh năm 2004.

Địa chỉ: Ấp G, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Hoài B, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn, bị đơn có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2024 và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Vào năm 2022 chị L và anh B tự nguyện sống chung với nhau, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 05/6/2023 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 107/2023). Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Mai Trúc Q, sinh 31/8/2022 (Chị L đang nuôi dạy). Về tài sản chung và nợ chung tự thoả thuận. Nguyên nhân mâu thuẫn chị L xác định tính tình vợ chồng khớp hợp nhau, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, anh B đánh đập chị L nhiều lần, hiện nay vợ chồng không còn tình cảm và đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài.

Chị L yêu cầu ly hôn với anh B. Về con chung yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Lời trình bày của bị đơn có tại hồ sơ: Thống nhất với lời trình bày của chị L về hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn anh B cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, từ đó vợ chồng cãi nhau, sau đó chị L bỏ về nhà mẹ ruột ở cho đến nay.

Anh B đồng ý ly hôn với chị L. Về con chung đồng ý giao cho chị L nuôi dạy, anh B tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu xem xét giải quyết.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn và bị đơn có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:*

[3.1.1] Mọi quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh B được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên mối quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3.1.2] Xét thấy trong cuộc sống hôn nhân chị L và anh B không thực hiện tốt việc bình đẳng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, mà lại làm cho mối quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và trong quá trình giải quyết vụ án chị L và anh B đều thể hiện ý chí cương quyết ly hôn với nhau, nên có căn cứ xác định được chị L và anh B không còn quan tâm gì đối với mối quan hệ hôn nhân này và giữa đôi bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng dẫn đến các hệ lụy nêu trên, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân về sau thì sẽ không đảm bảo hạnh phúc và trái với các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình hiện nay, nên cần chấp nhận cho chị L và anh B ly hôn là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình (LHNGĐ). (Giấy chứng nhận kết hôn số: 107/2023 ngày 05/6/2023 của Ủy ban nhân dân xã K hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật).

[3.2] *Về con chung:*

[3.2.1] Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Sau khi ly hôn chị L và anh B thống nhất thoả thuận giao cháu Phạm Mai Trúc Q cho chị L nuôi dạy. Xét thấy việc thoả thuận giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, nên cần ghi nhận và tiếp tục giao cháu Q cho chị L trực tiếp nuôi dạy là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; anh B có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với chị L; nếu anh B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3.2.2] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Theo quy định của pháp luật thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Chị L được quyền nuôi con, nhưng không yêu cầu cấp dưỡng cho con, anh B tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi cho cháu Q và điều kiện về tài chính cho chị L đảm bảo hơn trong việc chăm lo cho cháu Q, nên cần ghi nhận sự tự nguyện về nghĩa vụ của anh B cấp dưỡng cho cháu Q mỗi tháng là 1.000.000 đồng và phương thức cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo định quy định là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 LHNGĐ.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh B không có yêu cầu trong vụ án này, nên không xem xét.

[4] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, anh B phải chịu án phí cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội (Nghị quyết 326). Chị L đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của BLTTDS; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 LHNGĐ; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Chúc L.

- Về hôn nhân: Cho chị Mai Chúc L ly hôn với anh Phạm Hoài B.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 107/2023 ngày 05/6/2023 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung:

+ Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Giao cho chị Mai C Lân trực tiếp nuôi dạy cháu Phạm Mai Trúc Q, sinh 31/8/2022. Anh Phạm Hoài B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, anh B có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với chị L; nếu anh B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh Phạm Hoài B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Phạm Mai Trúc Q, sinh 31/8/2022 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo quy định của pháp luật. Phương thức cấp dưỡng: 01 tháng cấp dưỡng 01 lần, thời gian cấp dưỡng tính kể từ ngày 17/5/2024. Khi có lý do chính đáng và có yêu cầu thì mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Kể từ ngày chị Mai Chúc L có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Phạm Hoài B chậm thực hiện nghĩa vụ đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên, thì anh Phạm Hoài B còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mai Chúc L phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị Mai Chúc L đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004528 ngày 22/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ. Anh Phạm Hoài B phải nộp án phí cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng (chưa nộp).

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Khánh Hưng;
- UBND xã Nguyễn Việt Khái;
- Đương sự;
- Lưu HSSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Trương Huỳnh Hải